TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/HS-ST
Ngày: 18/5/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Tuấn Đạt, ông Hà Văn Dương.
- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng là Thư ký TAND huyện Tân Phú.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Huỳnh là Kiểm sát viên.

Ngày 18/5/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2018/TLST-HS ngày 06/4/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 35/2018 QĐXXST-HS ngày 03/5/2018, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hoài Tr, sinh năm 19...; nơi sinh tại Đồng Nai;

Nơi đăng ký thường trú tại Ấp 3, xã Phú Điền, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T (đã chết) và con bà Hồ Thanh H, sinh năm 1957; vợ, con: Không; tiền án: 01; tại Bản án số: 111/2016/HSST ngày 06/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai; xử phạt: 10 tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản"; tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 24/01/2018.

2. Nguyễn Thanh Ph, sinh năm 19...; nơi sinh tại Đồng Nai;

Nơi đăng ký thường trú tại ấp Phước Lý, xã Đại Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ nơi cư trú (chỗ ở) tại Ấp 7, xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Buôn bán; không biết chữ; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1958 và con bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1957; tiền án: Ngày 14/11/2007 bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai kết án: 06 (sáu) năm tù, về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", đã chấp hành xong bản án này nên được coi như chưa có tiền án; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 24/01/2018 đến ngày 27/01/2018 (bị cáo tại ngoại).

- *Người bị hại:* Ông Đặng Hoàng S, sinh năm 1988;

Nơi cư trú tại số nhà 117 Trần Lê, Khu phố 5, phường Đức Long, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Trương Quốc B, sinh năm 1981;

Nơi cư trú tại Ấp 2, xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Hồ T, sinh năm 1993;

Nơi cư trú tại Ấp 7, xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

3. Bà Lý N, sinh năm 1996;

Nơi cư trú tại Ấp 7, xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(*Các bị cáo và những người làm chứng có mặt tại phiên tòa, người bị hại vắng mặt tại phiên tòa).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/01/2018, bị cáo đi tìm tài sản của người khác để trộm cắp, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airblade, màu đỏ theo tuyến đường Quốc lộ 20 đi xã Phú Thanh. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, đến đại lý cám Nhật Phượng (thuộc ấp Ngọc Lâm 1, xã Phú Thanh, huyện Tân Phú) nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, hiệu Sirius, màu vàng đen, biển số 86C1-48802 không có người trông coi nên T đưa cho Tr một công cụ phá khóa xe, khi lấy trộm được xe thì T gọi điện Thoại đến bị cáo Ph hẹn gặp tại nhà của Trương Quốc B (ở Ấp 2, xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú) để bán xe này. Bị cáo Ph biết xe trộm cắp nhưng đồng ý mua với giá 2.100.000 đồng.

Bị cáo Ph đã đến tiệm sửa xe của Hồ Th (ở Ấp 7, xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú) xin biển số xe 60K9-2473 để thay biển số xe đã mua cùng xe trộm cắp và để lại biển số xe 86C1- 48802 ở nhà ông B

Ngày 24/01/2018, người bị hại phát hiện có người đang sử dụng xe mô tô của mình bị mất, xe đang ở địa bàn xã Núi Tượng nên trình báo Công an, Công an huyện Tân Phú quyết định giữ xe mô tô bị cáo Ph sử dụng.

Bản kết luận định giá tài sản số: 13/KL.HĐĐGTS ngày 26/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự (Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú) kết luận trị giá tài sản là 7.800.000 đồng.

Cáo trạng số: 24/CT-VKSTP-ĐN ngày 30/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, truy tố bị cáo Tr về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 và truy tố bị cáo Ph về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự 2015.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày ý kiến luận tội như sau:

Hành vi của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ;

Cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật nên giữ nguyên quyết định truy tố; cần phải có mức án phạt tù với các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian.

Các bị cáo thành khẩn khai báo, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; Phong phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 đối với Trung; áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 đối với Phong; tuyên bố: Bị cáo Tr phạm tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Ph phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Xử phạt: Bị cáo Tr 12 đến 14 tháng tù; bị cáo Ph 04 đến 05 tháng tù;

Vật chứng: Xe mô tô nêu trên đã trả lại chủ sở hữu nên không xem xét; tuyên tịch thu tiêu hủy biển số xe 60K9-2473; 01 cây "phá khóa" là công cụ phạm tội chưa tìm được vật chứng và về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên không xem xét.

* Các bị cáo trình bày ý kiến: Nội dung của Bản cáo trạng là đúng sự thật, các bị cáo không có ý kiến tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người bị hại có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt họ và việc xét xử vụ án vắng mặt người bị hại không có trở ngại trong quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt người bị hại theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Về trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, các bị cáo không đưa ra tài liệu, chứng cứ nào khác; các bị cáo chỉ trình bày ý kiến về hành vi thực hiện tội phạm, không có ý kiến tranh luận. Ý kiến trình bày của các bị cáo thống nhất với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra và phù hợp với lời khai của những người làm chứng tại phiên tòa, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử kiểm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào các chứng cứ này, chứng minh bị cáo Tr phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 và bị cáo Ph phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự 2015. Vì vậy, Cáo trạng quyết định truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

* Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Các bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình để nhận biết được hành vi vi phạm pháp luật. Lẽ ra, các bị cáo phải tích cực lao động, làm những việc có ích lợi cho mình, gia đình và xã hội, nhưng các bị cáo lại lén lút trộm cắp xe của người bị hại, tiêu thụ tài sản trôm cắp, đã gây ra thiệt hại cho người bị hại. Hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật hình sự, nguy hiểm

cho xã hội, vụ án xảy ra làm ảnh hưởng xấu đến tình tình an ninh trật tự xã hội tại địa phương. Do đó, phải áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo, có mức án tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội để các bị cáo có thời gian học tập, cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội. Tr là người trực tiếp trộm cắp tài sản, hưởng lợi từ giao dịch mua bán xe trộm cắp có tiền bất chính sử dụng nên phải chịu hình phạt cao hơn Ph là người tiêu thụ tài sản, Ph không phải là người đồng phạm trong vụ án mà chỉ là người giúp sức cho bị cáo Tr nhanh chóng hoàn thành giao dịch bán xe trộm cắp, từ giao dịch này mà Ph bị thiệt hại 2.100.000 đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo; người bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015. Bị cáo Phong là người có trình độ hiểu biết thấp (không biết chữ), gây ra thiệt hại không lớn nên áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo mà không áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 theo đề nghị của Viện kiểm sát (vì bị cáo là người đã bị Tòa án kết án trong vụ án khác, dù bị cáo đã chấp hành xong bản án vẫn không được coi là phạm tội lần đầu).

Bị cáo Tr đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý (tái phạm) là tình tiết tặng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015.

Từ các nội dung đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử cân nhắc, quyết định mức án phù hợp đối với từng bị cáo, thể hiện sự nghiêm minh, khoan hồng của chính sách pháp luật.

Tòa án mở phiên tòa công khai xét xử vụ án để xử lý hành vi phạm tội của các bị cáo và để tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của công dân, góp phần phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong xã hội.

[3] Về vật chứng của vụ án xử lý như sau:

Bị cáo (Tr) quản lý, sử dụng số tiền bán xe do phạm tội mà có là 800.000 đồng là tiền thu lợi bất chính, buộc bị cáo có trách nhiệm nộp lại số tiền này đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015;

Xe mô tô nêu trên Cơ quan iều tra đã trả lại người bị hại là đúng quy định pháp luật nên không xem xét; biển số 60K9-2473 không còn giá trị sử dụng tịch thu tiêu hủy; 01 cây "phá khóa" là công cụ phạm tội chưa tìm được không xem xét, giải quyết là phù hợp với Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên không xem xét;

[5] Về chi phí tố tụng: Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Kiểm sát viên luận tội đã đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo là phù hợp với nhận

định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Tr.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; Điều 38; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Ph.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015 và Điều 106, Điều 292, khoản 1 Điều 333, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hoài Tr phạm tội: "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Nguyễn Thanh Ph phạm tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

*Xử phạt: Nguyễn Hoài Tr 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/01/2018.

- Nguyễn Thanh Ph 04 (bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án hình phạt tù (bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/01/2018 đến ngày 27/01/2018 được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù).

* Về vật chứng:

Bị cáo (Tr) có trách nhiệm nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 800.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước;

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) biển số xe 60K9 - 2473 (Biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/4/2018, người giao là Công an huyện Tân Phú, người nhận là Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai).

* Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

*Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người bị hại vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 ngày, tính từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng (*có quyền nhận Bản án*);
- Công an huyện Tân Phú (2);
- VKSND huyện Tân Phú, VKSND tỉnh ĐN (2).
- Cơquan Thi hành án dân sự huyện Tân Phú;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- UBND nơi cư trú của bị cáo *{để thay thông báo kết quả xét xử}*;
- Lưu hồ sơ vụ án, TAND huyện Tân Phú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Kim Đính